

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52/2012/TT-BTC

*Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2012***THÔNG TƯ****Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán như sau.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Đối tượng công bố thông tin**

Đối tượng công bố thông tin bao gồm: công ty đại chúng, tổ chức phát hành (ngoại trừ trường hợp phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh), công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK), Trung tâm Lưu ký chứng khoán (TTLKCK) và người có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Ngoài các thuật ngữ đã được quy định tại Luật Chứng khoán và các Nghị định của Chính phủ, các từ ngữ trong Thông tư này được hiểu như sau:

1. Công ty đại chúng là công ty cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán.

2. Công ty đại chúng quy mô lớn là công ty đại chúng có vốn điều lệ thực góp từ 120 tỷ đồng trở lên được xác định tại Báo cáo tài chính năm gần nhất có kiểm toán hoặc theo kết quả phát hành gần nhất và có số lượng cổ đông không thấp hơn 300 cổ đông tính tại thời điểm chốt danh sách cổ đông tại TTLKCK vào ngày 31 tháng 12 hàng năm theo danh sách của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) công bố.

3. Cổ đông nội bộ là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc/Giám đốc, Phó Tổng giám đốc/Phó Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán của công ty đại chúng.

4. Nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng (bao gồm quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản) là nhà đầu tư giữ các chức danh sáng lập viên, thành viên Ban đại diện quỹ đầu tư chứng khoán, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Ban điều hành công ty quản lý quỹ, người điều hành quỹ đầu tư đại chúng.

5. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là doanh nghiệp kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định.

6. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của công ty đại chúng là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu quỹ của công ty.

7. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch là tổ chức có chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên SGDCK.

Điều 3. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.

2. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

Trường hợp thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền công bố thông tin, công ty đại chúng, tổ chức phát hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải đăng ký một (01) người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin theo Phụ lục I kèm theo Thông tư này. Trường hợp thay đổi người được ủy quyền công bố thông tin phải thông báo bằng văn bản cho UBCKNN, SGDCK ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi có sự thay đổi.

Trường hợp có bất kỳ thông tin nào làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán thì người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin phải xác nhận hoặc đính chính thông tin đó trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được thông tin đó hoặc theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK.

3. Việc công bố thông tin phải được thực hiện đồng thời với việc báo cáo UBCKNN, SGDCK về nội dung thông tin công bố, cụ thể như sau:

3.1. Công ty đại chúng, tổ chức phát hành, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN;

3.2. SGDCK, TTLKCK khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN đối với những thông tin phát sinh từ SGDCK, TTLKCK;

3.3. Tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng dạng đóng và công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi thực hiện công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK;

3.4. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm công bố thông tin về hoạt động của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do mình quản lý theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp công ty quản lý quỹ là công ty đại chúng thì phải thực hiện trách nhiệm công bố thông tin áp dụng cho công ty đại chúng.

4. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên phương tiện công bố thông tin; ngày báo cáo về việc công bố thông tin là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử (qua email hoặc qua hệ thống công nghệ thông tin tiếp nhận báo cáo), ngày UBCKNN, SGDCK nhận được thông tin công bố bằng văn bản.

5. Ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán Việt Nam phải là tiếng Việt. Trường hợp pháp luật quy định công bố thông tin bổ sung bằng ngôn ngữ khác, ngôn ngữ thực hiện công bố thông tin bao gồm tiếng Việt và ngôn ngữ khác theo quy định.

6. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, các đối tượng công bố thông tin theo quy định tại Điều 1 Thông tư này phải đồng thời báo cáo và có văn bản giải trình cho UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch).

7. Các đối tượng công bố thông tin thực hiện bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phương tiện và hình thức công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin được thực hiện qua các phương tiện công bố thông tin sau:

1.1. Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử (Website) và các ấn phẩm khác của tổ chức thuộc đối tượng công bố thông tin;

1.2. Các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, cổng thông tin điện tử và các ấn phẩm khác của UBCKNN;

1.3. Các phương tiện công bố thông tin của SGDCK bao gồm: hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin, trang thông tin điện tử của SGDCK, bảng hiển thị điện tử tại SGDCK;

1.4. Phương tiện công bố thông tin của TTLKCK: trang thông tin điện tử của TTLKCK;

1.5. Phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

2. Các tài liệu, báo cáo gửi cho UBCKNN, SGDCK được thể hiện dưới hình thức văn bản và hình thức dữ liệu điện tử có sử dụng chữ ký số theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

Trường hợp UBCKNN, SGDCK triển khai hệ thống tiếp nhận báo cáo và công bố thông tin thông qua cổng trực tuyến, hình thức công bố thông tin của các đối tượng công bố thông tin quy định tại Điều 1 Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

3. Công ty đại chúng phải lập trang thông tin điện tử trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày trở thành công ty đại chúng; công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải lập trang thông tin điện tử trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp phép và chính thức hoạt động; tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải lập trang thông tin điện tử trước khi thực hiện chào bán trái phiếu ra công chúng. Trang thông tin điện tử phải có chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Thông tư này. Các đối tượng công bố thông tin phải thông báo với UBCKNN, SGDCK và công khai về địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

Điều 5. Tạm hoãn công bố thông tin

1. Trường hợp việc công bố thông tin không thể thực hiện đúng thời hạn vì những lý do bất khả kháng (thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh và những trường hợp khác được UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố thông tin), các đối tượng công bố thông tin phải báo cáo UBCKNN, SGDCK ngay khi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc trước thời hạn công bố thông tin đối với những trường hợp khác mà đối tượng công bố thông tin đề nghị UBCKNN chấp thuận cho tạm hoãn công bố và phải thực hiện công bố thông tin ngay sau khi sự kiện bất khả kháng đã được khắc phục.

2. Việc tạm hoãn công bố thông tin được UBCKNN chấp thuận bằng văn bản phải được công bố trên phương tiện công bố thông tin của đối tượng công bố thông tin và UBCKNN, SGDCK, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin.

Điều 6. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương II CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY ĐẠI CHỨNG

Mục 1 QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty đại chúng phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán độc lập ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nội dung cụ thể như sau:

1.1. Báo cáo tài chính năm của công ty đại chúng bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật về kế toán. Trường hợp trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính có chỉ dẫn đến Phụ lục, Phụ lục phải được công bố cùng Bản thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài chính phải trình bày cụ thể các nội dung về giao dịch với các bên liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Trường hợp Báo cáo tài chính năm lập theo đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ thì công ty đại chúng phải công bố đồng thời Báo cáo tài chính năm bằng đồng ngoại tệ và Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam. Báo cáo tài chính năm quy đổi ra đồng Việt Nam phải có ý kiến xác nhận của tổ chức kiểm toán đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm bằng ngoại tệ được quy đổi về tỷ giá quy đổi và tính chính xác của việc quy đổi.

1.2. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ của một tổ chức khác thì nội dung công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của công ty mẹ và Báo cáo tài chính năm hợp nhất. Trường hợp công ty đại chúng là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì Báo cáo tài chính năm bao gồm Báo cáo tài chính năm của công ty đại chúng và Báo cáo tài chính năm tổng hợp theo quy định của pháp luật kế toán.

1.3. Công ty đại chúng phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trên trang thông tin điện tử của công ty đại chúng và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm, Báo cáo kiểm toán và/hoặc địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm và báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo.

1.4. Báo cáo tài chính năm và Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính năm phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty để nhà đầu tư tham khảo.

2. Báo cáo thường niên

Công ty đại chúng phải lập Báo cáo thường niên theo Phụ lục II kèm theo Thông tư này và công bố thông tin về Báo cáo thường niên chậm nhất là hai mươi (20) ngày sau khi công bố Báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Việc công bố

thông tin phải được thực hiện trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty để nhà đầu tư tham khảo. Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với Báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

3. Báo cáo tình hình quản trị công ty

Công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, cụ thể như sau:

3.1. Định kỳ sáu (06) tháng và năm công ty đại chúng phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo Phụ lục III kèm theo Thông tư này, đồng thời báo cáo UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch). Thời hạn báo cáo và công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty sáu (06) tháng và năm chậm nhất là ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

3.2. Công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại điểm 3.1 Điều này trên trang thông tin điện tử của công ty đại chúng và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch).

4. Họp Đại hội đồng cổ đông

4.1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin định kỳ về Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4.2. Công ty đại chúng phải công bố toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường, bao gồm: thông báo mời họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp trên trang thông tin điện tử đồng thời với việc gửi thông báo về việc mời họp và hướng dẫn truy cập trang thông tin điện tử về việc họp và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông cho các cổ đông trước khi khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông chậm nhất là mười lăm (15) ngày.

5. Công bố thông tin về việc chào bán chứng khoán và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Công ty đại chúng thực hiện chào bán chứng khoán phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định pháp luật về chào bán chứng khoán.

Trường hợp công ty đại chúng chào bán chứng khoán ra công chúng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, công ty đại chúng phải báo cáo UBCKNN và phải công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, công ty đại chúng phải công bố thông tin về lý do và

Quyết định/Nghị quyết của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông về sự thay đổi đó trước khi có sự thay đổi. Công ty đại chúng thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1.1. Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

1.2. Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

1.3. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về việc thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 96 của Luật Doanh nghiệp;

1.4. Quyết định của Hội đồng quản trị về việc mua lại cổ phiếu của công ty mình hoặc bán lại số cổ phiếu đã mua; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán theo quy định tại khoản 2 Điều 108 của Luật Doanh nghiệp; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

1.5. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị (kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kiểm phiếu) về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng; về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp; tách, gộp cổ phiếu;

1.6. Báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ, ý kiến không chấp nhận hoặc ý kiến từ chối của tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính; công bố công ty kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm; thay đổi công ty kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng) hoặc việc từ chối kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty kiểm toán; kết quả điều chỉnh hồi tố Báo cáo tài chính (nếu có);

1.7. Khi có sự thay đổi nhân sự chủ chốt của công ty (thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc/Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc/Phó tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán);

1.8. Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Thành viên Ban kiểm soát của công ty; có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

1.9. Khi có thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

1.10. Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu có giá trị từ ba mươi phần trăm (30%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi;

1.11. Công ty nhận được thay đổi nội dung liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

1.12. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành do phát hành thêm; mua, bán cổ phiếu quỹ tính tại thời điểm chứng khoán chính thức được đăng ký tại TTLKCK;

1.13. Khi xảy ra các sự kiện có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.

2. Công ty đại chúng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ khi có quyết định về việc thành lập, mua, bán hoặc giải thể công ty con, đầu tư hoặc không còn đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

3. Công ty đại chúng phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch). Nội dung công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Công ty đại chúng phải báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho TTLKCK, SGDC (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và báo cáo UBCKNN chậm nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty đại chúng phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDC (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) trong các sự kiện sau đây:

1.1. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

1.2. Có thông tin liên quan đến công ty đại chúng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Công ty đại chúng phải công bố thông tin theo yêu cầu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty đại chúng, phương tiện thông tin đại chúng và

phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch). Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

Mục 2

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT VÀ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG QUY MÔ LỚN

Điều 10. Công bố thông tin định kỳ

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và các quy định sau đây:

1. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

2. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải lập và công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên (06 tháng đầu năm tài chính) đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo Chuẩn mực kiểm toán về công tác soát xét Báo cáo tài chính trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo soát xét. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét không quá bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ của một tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì thời hạn công bố thông tin về Báo cáo tài chính bán niên hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính bán niên tổng hợp đã được soát xét và Báo cáo tài chính bán niên của công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên là sáu mươi (60) ngày, kể từ ngày kết thúc sáu (06) tháng đầu năm tài chính.

Báo cáo tài chính bán niên kèm theo toàn bộ Báo cáo công tác soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải công bố trên trang thông tin điện tử của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty để nhà đầu tư tham khảo.

Tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên phải là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính năm của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn.

3. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ hoặc đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo

cáo tài chính tổng hợp trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý. Nội dung cụ thể như sau:

3.1. Báo cáo tài chính quý của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn bao gồm các báo cáo theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 7 Thông tư này;

3.2. Trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó. Trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là công ty mẹ thì phải giải trình rõ các nguyên nhân đó trong cả Báo cáo kết quả kinh doanh công ty mẹ và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất; trường hợp tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì phải giải trình nguyên nhân trong cả Báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn và Báo cáo tài chính tổng hợp;

3.3. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố đầy đủ Báo cáo tài chính quý trên trang thông tin điện tử của công ty và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty để nhà đầu tư tham khảo.

4. Trường hợp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên được soát xét có các ý kiến ngoại trừ/lưu ý thì công ty phải công bố thông tin về giải trình đối với các ý kiến ngoại trừ/lưu ý đó.

Điều 11. Công bố thông tin bất thường

1. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải thực hiện công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này và khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1.1. Công ty bị tổn thất tài sản có giá trị từ mười phần trăm (10%) vốn chủ sở hữu trở lên tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

1.2. Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị liên quan đến vấn đề tăng, giảm vốn điều lệ; góp vốn có giá trị từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng tài sản của công ty vào một tổ chức khác; góp vốn có giá trị từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên tổng vốn của công ty nhận vốn góp; thông qua hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

1.3. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị về việc mua, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười lăm phần trăm (15%) tổng tài sản của công ty tính tại Báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc Báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

1.4. Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với những trường hợp cần được chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền) về việc đóng mở công ty trực thuộc, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

1.5. Khi giá chứng khoán niêm yết của công ty (trường hợp là tổ chức niêm yết) tăng trần hoặc giảm sàn từ mười (10) phiên liên tiếp trở lên;

1.6. Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn bảy mươi hai (72) giờ theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Thông tư này và kể từ khi được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK nước ngoài.

3. Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết). Nội dung công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 12. Công bố thông tin theo yêu cầu

Tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Điều 13. Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn

1. Công ty đại chúng bắt đầu thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định tại Thông tư này kể từ thời điểm có tên trong danh sách công ty đại chúng quy mô lớn do TTLKCK công bố.

2. Sau một (01) năm kể từ ngày không còn là công ty đại chúng quy mô lớn theo danh sách do TTLKCK công bố, công ty đại chúng quy mô lớn sẽ thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với công ty đại chúng hoặc tổ chức niêm yết theo quy định tại Thông tư này.

Điều 14. Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp

1. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty đại chúng thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Thông tư này.

2. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là công ty cổ phần chưa đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp nhà nước thực hiện công bố thông tin như sau:

2.1. Công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính năm và Báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 và khoản 1 Điều 10 Thông tư này;

2.2. Công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 11 Thông tư này (trong đó thay Hội đồng quản trị thành Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn);

2.3. Công bố thông tin theo yêu cầu theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

Chương III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP RA CÔNG CHỨNG

Điều 15. Thời gian công bố thông tin

Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chứng công bố thông tin theo quy định tại Thông tư này trong khoảng thời gian từ khi phát hành trái phiếu ra công chứng đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu.

Điều 16. Nội dung công bố thông tin của tổ chức phát hành trái phiếu

1. Công bố thông tin định kỳ: Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chứng phải công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính năm, Báo cáo thường niên theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

2. Công bố thông tin bất thường: Tổ chức phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chứng phải công bố thông tin bất thường theo quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2 khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 8 Thông tư này.

3. Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, tổ chức phát hành phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi chậm nhất một (01) tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết).

Điều 17. Công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chứng và tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

1. Tổ chức phát hành trái phiếu ra công chứng phải tuân thủ quy định về công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào bán trái phiếu ra công chứng.

2. Trường hợp công ty chào bán trái phiếu ra công chứng để huy động vốn cho dự án đầu tư, định kỳ sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, tổ chức phát hành trái phiếu phải báo cáo UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết) và công bố thông tin trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty phát hành và trên các phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết) về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Trường hợp thay đổi mục đích sử dụng vốn, tổ chức phát hành trái phiếu phải công bố thông tin về lý do và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng thành viên về sự thay đổi trước khi có sự thay đổi đó. Tổ chức phát hành trái phiếu thực hiện báo cáo và công bố thông tin trên cho đến khi giải ngân hết vốn huy động được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chứng.

Chương IV
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN,
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 18. Công bố thông tin định kỳ

1. Công ty quản lý quỹ đại chúng, công ty chứng khoán thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 7 hoặc Điều 10 Thông tư này.

2. Công ty quản lý quỹ khác công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính năm theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này.

3. Công ty chứng khoán phải công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận tháng sáu (06) và tháng mười hai (12) cùng với thời điểm công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm.

Báo cáo về tỷ lệ vốn khả dụng được soát xét phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCCK và phải được lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty để nhà đầu tư tham khảo.

Điều 19. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra (hoặc khi nhận được văn bản chấp thuận của UBCKNN về sự kiện) đối với một trong các sự kiện sau đây:

1.1. Có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Giám đốc, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Trưởng phòng tài chính kế toán, Thành viên Ban kiểm soát của công ty; người điều hành quỹ đầu tư chứng khoán; có quyết định khởi tố, bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc công ty vi phạm pháp luật về thuế;

1.2. Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;

1.3. Tạm ngừng kinh doanh; tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động của công ty;

1.4. Quyết định của cơ quan có thẩm quyền đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

1.5. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ sở hữu công ty thông qua hợp đồng sáp nhập với một công ty khác; Quyết định hợp nhất, chia, tách, góp vốn liên doanh, chuyển đổi, giải thể công ty;

1.6. Công ty bị tổn thất từ mười phần trăm (10%) giá trị tài sản trở lên;

1.7. Công ty có sự thay đổi về thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó

Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng; quyết định bổ nhiệm hay miễn nhiệm người điều hành quỹ đầu tư chứng khoán;

1.8. Công ty có những thay đổi quan trọng trong hoạt động kinh doanh, bao gồm:

- a) Thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện;
- b) Lâm vào tình trạng phá sản; quyết định giải thể của cơ quan có thẩm quyền;
- c) Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc vốn góp chiếm từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ đã góp;
- d) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ;
- đ) Quyết định thay đổi tên công ty; thay đổi địa điểm trụ sở chính, văn phòng đại diện, chi nhánh, phòng giao dịch;
- e) Quyết định bổ sung, đưa vào áp dụng, ngừng hoặc rút bớt một hoặc một số loại hình kinh doanh và dịch vụ chứng khoán;
- g) Quyết định thành lập hay đóng cửa công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, phòng giao dịch ở trong nước hoặc nước ngoài;
- h) Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc công ty chứng khoán, người điều hành quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán bị thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC (trường hợp là công ty chứng khoán niêm yết, công ty quản lý quỹ niêm yết). Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khi công bố thông tin bất thường phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm công bố thông tin trong trường hợp quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và danh mục đầu tư chứng khoán của nhà đầu tư ủy thác do mình quản lý là cổ đông lớn, cổ đông nội bộ theo quy định tại Điều 26 và Điều 28 Thông tư này.

Điều 20. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDC (trường hợp là công ty chứng khoán niêm yết, công ty quản lý quỹ niêm yết) khi có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

2. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN, SGDC (trường hợp là công ty chứng khoán niêm yết, công ty quản lý quỹ niêm yết) thông qua các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, qua phương tiện công bố thông tin đại chúng và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC (trường hợp là công ty

chứng khoán niêm yết, công ty quản lý quỹ niêm yết). Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó và giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 21. Công bố thông tin khác của công ty chứng khoán

Công ty chứng khoán phải công bố thông tin tại trụ sở chính, các chi nhánh và trên trang thông tin điện tử của công ty về các thay đổi liên quan đến địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh, các nội dung liên quan đến phương thức giao dịch, đặt lệnh, ký quỹ giao dịch, thời gian thanh toán, phí giao dịch, các dịch vụ cung cấp và danh sách những người hành nghề chứng khoán của công ty. Khi thực hiện giao dịch ký quỹ, công ty chứng khoán phải thông báo các điều kiện cung cấp dịch vụ ký quỹ bao gồm yêu cầu về tỷ lệ ký quỹ, lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức thực hiện lệnh gọi ký quỹ bổ sung.

Chương V

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẠI CHỨNG, CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN ĐẠI CHỨNG

Điều 22. Công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chứng

1. Công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ về Báo cáo tài chính năm của quỹ đại chứng đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán được chấp thuận chậm nhất là mười (10) ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán được chấp thuận ký báo cáo kiểm toán. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tài chính năm của quỹ đại chứng không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Nội dung cụ thể như sau:

1.1. Nội dung công bố thông tin về Báo cáo tài chính năm của quỹ đại chứng theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ đầu tư chứng khoán;

1.2. Công ty quản lý quỹ phải công bố đầy đủ nội dung thông tin về Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán của quỹ đại chứng trên phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (đối với quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chứng), đồng thời đăng tải ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm của quỹ đại chứng trên một (01) số báo có phạm vi phát hành trong toàn quốc kèm theo địa chỉ trang thông tin điện tử đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm của quỹ đại chứng, Báo cáo kiểm toán hoặc địa chỉ cung cấp Báo cáo tài chính năm của quỹ đại chứng và Báo cáo kiểm toán để nhà đầu tư tham khảo;

1.3. Báo cáo tài chính năm của quỹ đại chứng phải lưu trữ bằng văn bản và dữ liệu điện tử ít nhất mười (10) năm tiếp theo tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư tham khảo.

2. Công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ về quỹ đại chứng, cụ thể như sau:

2.1. Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng định kỳ theo quy định về thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (đối với quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng);

2.2. Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo tình hình và kết quả hoạt động đầu tư, báo cáo tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng định kỳ theo quy định về thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (đối với quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng);

2.3. Thời hạn công bố thông tin theo quy định tại điểm 2.1 và 2.2 khoản này như sau:

a) Báo cáo tuần phải công bố thông tin trong ngày làm việc đầu tiên của tuần tiếp theo;

b) Báo cáo tháng phải công bố thông tin trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc tháng;

c) Báo cáo quý phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày kết thúc quý;

d) Báo cáo năm phải công bố thông tin trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Điều 23. Công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây đối với quỹ đại chúng:

1.1. Thông qua quyết định của Đại hội nhà đầu tư;

1.2. Quyết định chào bán chứng chỉ quỹ;

1.3. Quỹ đại chúng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ;

1.4. Quyết định thay đổi vốn đầu tư;

1.5. Bị thu hồi Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng;

1.6. Bị đình chỉ, hủy bỏ đợt chào bán chứng chỉ quỹ;

1.7. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Bản cáo bạch;

1.8. Thay đổi Chủ tịch và thành viên Ban đại diện, người điều hành;

1.9. Tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ; cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

1.10. Quyết định hợp nhất, sáp nhập, tách, giải thể, thanh lý tài sản quỹ đầu tư, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

1.11. Định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về các sự kiện quy định tại khoản 1 điều này trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ và phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK (trừ trường hợp quỹ đại chúng là quỹ mở). Công ty quản lý quỹ khi công bố thông tin bất thường về quỹ đại chúng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu: Công ty quản lý quỹ phải báo cáo và nộp đủ các tài liệu căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho nhà đầu tư hiện hữu của quỹ đại chúng cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK ít nhất là mười (10) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến để công bố thông tin.

Điều 24. Công bố thông tin theo yêu cầu về quỹ đại chúng

1. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1.1. Có phản ánh của cá nhân hoặc tổ chức đến UBCKNN hoặc SGDCK liên quan tới việc chào bán, giá chứng chỉ quỹ đại chúng dạng đóng, giá cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

1.2. Có thay đổi bất thường về giá và khối lượng giao dịch chứng chỉ quỹ đại chúng dạng đóng, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

2. Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về quỹ đại chúng dạng đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK thông qua các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, qua phương tiện công bố thông tin đại chúng hoặc phương tiện công bố thông tin của SGDCK. Nội dung công bố thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố nguyên nhân, mức độ xác thực của sự kiện đó.

Điều 25. Công bố thông tin về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin đối với công ty đầu tư chứng khoán đại chúng theo quy định tại Điều 22, Điều 23 và Điều 24 Thông tư này.

Chương VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

Điều 26. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông lớn và nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng, nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng hoặc khi không

còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng phải báo cáo về sở hữu cho công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ, UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) theo Phụ lục IV kèm theo Thông tư này trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng.

2. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan nắm giữ từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một công ty đại chúng/nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng dạng đóng có thay đổi về số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm... hoặc không thực hiện giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ) phải thực hiện báo cáo trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo Phụ lục V kèm theo Thông tư này cho công ty đại chúng, UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch).

3. Thời điểm bắt đầu/kết thúc việc nắm giữ từ năm phần trăm (5%) số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ hoặc thời điểm thay đổi về số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ sở hữu vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%) nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính như sau:

3.1. Trường hợp giao dịch được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc kết thúc chu kỳ thanh toán giao dịch;

3.2. Trường hợp giao dịch không được thực hiện qua SGDCK: thời điểm được tính kể từ lúc việc chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất tại TTLKCK;

3.3. Trường hợp thực hiện quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ phát hành thêm: thời điểm được tính kể từ lúc công ty đại chúng hoàn thành đợt chào bán.

Điều 27. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng

1. Cổ đông sáng lập nắm giữ cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Doanh nghiệp phải gửi thông báo cho UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch), TTLKCK và công ty đại chúng về việc thực hiện giao dịch chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước khi thực hiện giao dịch theo Phụ lục VI kèm theo Thông tư này. Trong trường hợp chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện chuyển nhượng phải gửi bổ sung Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc chuyển nhượng trên.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch, cổ đông sáng lập thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK (trường hợp là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và công ty đại chúng về kết quả thực hiện giao dịch theo Phụ lục VII kèm theo Thông tư này. Nếu giao dịch không thực hiện

được hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, cổ đông sáng lập phải báo cáo lý do với UBCKNN, SGDCK (trường hợp công ty đại chúng là tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch) và công ty đại chúng trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.

Điều 28. Công bố thông tin về giao dịch của cổ đông nội bộ và nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan

1. Cổ đông nội bộ và nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này khi dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng dạng đóng, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/quyền mua cổ phiếu/quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm...) phải báo cáo UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn giao dịch không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK. Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục VIII và Phụ lục IX kèm theo Thông tư này.

2. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch đã đăng ký, người thực hiện giao dịch phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ về kết quả thực hiện giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/quyền mua cổ phiếu/quyền mua chứng chỉ quỹ theo Phụ lục X và Phụ lục XI kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký, trong thời hạn ba (03) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, cổ đông nội bộ và nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về lý do không thực hiện được giao dịch.

4. Cổ đông nội bộ và nhà đầu tư nội bộ của quỹ đại chúng dạng đóng, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan của các đối tượng này phải thực hiện giao dịch đúng thời gian giao dịch như đã đăng ký với UBCKNN, SGDCK và không được đăng ký mua và bán cổ phiếu/quyền mua cổ phiếu của tổ chức niêm yết/dăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ/quyền mua chứng chỉ quỹ của quỹ đại chúng dạng đóng trong cùng một khoảng thời gian và chỉ được đăng ký giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

5. Trường hợp cổ đông nội bộ đồng thời là cổ đông lớn thì thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với cổ đông nội bộ.

Điều 29. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Tổ chức, cá nhân chào mua công khai và công ty đại chúng bị chào mua phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Điều 30. Công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ

Trường hợp giao dịch cổ phiếu quỹ của công ty đại chúng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn.

Chương VII
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TRUNG TÂM LƯU KÝ
CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Điều 31. Nội dung công bố thông tin của TTLKCK Việt Nam

1. TTLKCK thực hiện công bố thông tin trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

1.1. Thông tin về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận Thành viên Lưu ký, Chi nhánh Thành viên Lưu ký.

1.2. Thông tin về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.

1.3. Thông tin về việc hủy đăng ký chứng khoán.

1.4. Thông tin về việc cấp, hủy, bảo lưu mã chứng khoán trong nước và mã chứng khoán định danh quốc tế (viết tắt là mã ISIN).

1.5. Thông tin về việc cấp mã số giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài.

1.6. Thông tin về việc thực hiện quyền của các chứng khoán đã đăng ký tại TTLKCK.

1.7. Thông tin về việc chuyển quyền sở hữu của cổ đông sáng lập đang trong thời gian hạn chế chuyển nhượng và các trường hợp chuyển nhượng đặc biệt mà UBCKNN có văn bản chấp thuận cho thực hiện ngoài hệ thống giao dịch của SGDCK.

1.8. Công bố thông tin theo yêu cầu của UBCKNN.

2. TTLKCK thực hiện công bố thông tin các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này trên trang thông tin điện tử của TTLKCK.

Chương VIII
CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Điều 32. Thông tin về giao dịch chứng khoán tại SGDCK

1. Thông tin trong giờ giao dịch

1.1. Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch.

1.2. Giá đóng cửa ngày hôm trước, giá tham chiếu, giá trần, giá sàn, giá mở cửa/đóng cửa của từng phiên/ngày, giá thực hiện, giá dự kiến (trường hợp khớp lệnh định kỳ), mức và ký hiệu biến động giá của từng loại chứng khoán.

1.3. Ba mức giá chào mua, chào bán tốt nhất của cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư kèm theo khối lượng đặt mua, bán tương ứng với các mức giá đó.

1.4. Thông tin giao dịch của trái phiếu phân theo kỳ hạn còn lại, bao gồm: các kỳ hạn giao dịch, lợi suất, khối lượng và giá trị của giao dịch gần nhất, biến động lợi suất của giao dịch gần nhất so với giao dịch trước đó.

2. Thông tin định kỳ trong ngày giao dịch

2.1. Tình trạng các loại chứng khoán.

2.2. Tổng số loại chứng khoán được phép giao dịch trong ngày.

2.3. Chỉ số giá chứng khoán do SGDCK xây dựng và được UBCKNN chấp thuận; mức và biến động chỉ số so với ngày giao dịch trước đó.

2.4. Mức độ dao động giá cổ phiếu trong ngày giao dịch.

2.5. Số lượng lệnh, số lượng đặt mua/bán, giá trị tương ứng với mỗi loại chứng khoán.

2.6. Tổng khối lượng giao dịch toàn thị trường (theo đợt khớp lệnh; ngày giao dịch).

2.7. Giá, khối lượng và giá trị giao dịch thực hiện của từng loại chứng khoán:

a) Khớp lệnh (theo từng đợt khớp lệnh và ngày giao dịch đối với khớp lệnh định kỳ và theo ngày giao dịch đối với trường hợp khớp lệnh liên tục);

b) Thỏa thuận (nếu có);

c) Giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

d) Giao dịch mua, bán lại cổ phiếu của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch (nếu có).

2.8. Tỷ lệ nắm giữ chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài và giới hạn còn được mua đối với từng loại chứng khoán.

2.9. Thông tin về mười (10) cổ phiếu có khối lượng giao dịch lớn nhất và mười (10) cổ phiếu biến động giá lớn nhất so với ngày giao dịch gần nhất.

2.10. Thông tin giao dịch của mười (10) cổ phiếu có giá trị niêm yết lớn nhất và mười (10) cổ phiếu có giá thị trường lớn nhất.

2.11. Thông tin về trái phiếu giao dịch bao gồm loại trái phiếu, lãi suất, thời gian đáo hạn, giá thực hiện, lợi suất hiện hành, lợi suất đáo hạn.

2.12. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của các cổ phiếu niêm yết và thay đổi so với ngày giao dịch trước.

2.13. Các thông tin khác phải công bố theo yêu cầu của UBCKNN.

Điều 33. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch tại SGDCK; thông tin về công ty chứng khoán thành viên; công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng dạng đóng/công ty đầu tư chứng khoán đại chúng; quỹ đại chúng dạng đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

1. Thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch

1.1. Thông tin chung về hoạt động niêm yết, đăng ký giao dịch:

- a) Thông tin về niêm yết/đăng ký giao dịch lần đầu;
- b) Thông tin về hủy niêm yết/đăng ký giao dịch;
- c) Thông tin về thay đổi niêm yết/đăng ký giao dịch;
- d) Thông tin về niêm yết/đăng ký giao dịch lại;
- đ) Thông tin về xử phạt đối với tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch;
- e) Các thông tin khác mà SGDCK thấy cần thiết.

1.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

2. Thông tin về công ty chứng khoán là thành viên SGDCK

2.1. Thông tin chung về thành viên:

- a) Thông tin về kết nạp thành viên;
- b) Thông tin về xử phạt thành viên, đại diện giao dịch (nếu có);
- c) Thông tin về chấm dứt tư cách thành viên;
- d) Thông tin về thị phần môi giới của 10 thành viên có thị phần lớn nhất theo quý;
- đ) Các thông tin khác.

2.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà công ty chứng khoán thành viên thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

3. Thông tin về công ty quản lý quỹ có quản lý quỹ đại chúng dạng đóng/công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

3.1. Thông tin chung về công ty quản lý quỹ:

- a) Thông tin về số lượng công ty quản lý quỹ;
- b) Thông tin về số lượng quỹ đầu tư chứng khoán/công ty đầu tư chứng khoán mà công ty quản lý quỹ quản lý;
- c) Thông tin về xử phạt đối với công ty quản lý quỹ;
- d) Các thông tin khác.

3.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

4. Thông tin về quỹ đại chúng dạng đóng

4.1. Thông tin chung về quỹ đại chúng dạng đóng:

- a) Thông tin về số lượng quỹ đại chúng dạng đóng;
- b) Các thông tin khác.

4.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà quỹ đại chúng thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

5. Thông tin về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

5.1. Thông tin chung về công ty đầu tư chứng khoán đại chúng:

- a) Thông tin về số lượng công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- b) Thông tin về xử phạt công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- c) Các thông tin khác.

5.2. Các thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu mà công ty đầu tư chứng khoán đại chúng thực hiện công bố thông tin thông qua phương tiện công bố thông tin của SGDCK.

6. SGDCK cung cấp thông tin về tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng cho các công ty chứng khoán thành viên.

Điều 34. Thông tin giám sát hoạt động của thị trường chứng khoán

1. Thông tin giám sát hoạt động của thị trường chứng khoán bao gồm:

1.1. Thông tin về tạm ngừng giao dịch hoặc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết;

1.2. Thông tin về chứng khoán bị cảnh báo/kiểm soát hoặc không còn bị cảnh báo/kiểm soát;

1.3. Thông tin về giao dịch của cổ đông lớn, giao dịch của cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, giao dịch của cổ đông nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin và người có liên quan, giao dịch chào mua công khai, theo quy định tại Chương VI Thông tư này; Thông tin về giao dịch cổ phiếu quỹ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch;

1.4. Thông tin về việc vi phạm quy định công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

1.5. Thông tin về xử lý vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động thị trường chứng khoán;

1.6. Các hướng dẫn, thông báo của UBCKNN, SGDCK về quản lý, giám sát thị trường theo quy định của UBCKNN, SGDCK.

2. SGDCK phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 Thông tư này ngay sau khi xảy ra sự kiện hoặc sau khi nhận được báo cáo, thông báo, hồ

sơ công bố thông tin đầy đủ và hợp lệ của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

3. SGDCK định kỳ hàng quý phải lập báo cáo tổng hợp về việc chấp hành các quy định pháp luật về công bố thông tin của tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty chứng khoán thành viên, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng, các đối tượng khác gửi UBCKNN.

Chương IX **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 35. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 6 năm 2012 và thay thế Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Những quy định về công bố thông tin tại các văn bản khác do Bộ Tài chính ban hành trái với quy định tại Thông tư này sẽ bị hủy bỏ và áp dụng theo quy định của Thông tư này.

2. UBCKNN, SGDCK, TTLKCK, các công ty đại chúng, tổ chức phát hành (ngoại trừ trường hợp phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh), công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Xuân Hà

Phụ lục số II**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty đại chúng:

Năm báo cáo...

I. Thông tin chung*1. Thông tin khái quát*

- Tên giao dịch:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:
- Vốn điều lệ:
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:
- Số fax:
- Website:
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển: (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).
- Các sự kiện khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).
- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị.
- Cơ cấu bộ máy quản lý.
- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết).

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

6. *Các rủi ro:* (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp...vvv.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

- Những thay đổi trong ban điều hành: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết).

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết).

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng: Tổng giá trị tài sản Doanh thu thuần Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	% tăng giảm
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:			
Tổng giá trị tài sản			
Doanh thu			
Thuế và các khoản phải nộp			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm X - 1	Năm X	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:

Chỉ tiêu	Năm X-1	Năm X	Ghi chú
<i>1. Quy mô vốn</i>			
- Vốn điều lệ			
- Tổng tài sản có			
- Tỷ lệ an toàn vốn			
<i>2. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
- Doanh số huy động tiền gửi			
- Doanh số cho vay			
- Doanh số thu nợ			
- Nợ quá hạn			
- Nợ khó đòi			
- Hệ số sử dụng vốn			
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh			
- Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ			
- Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
<i>3. Khả năng thanh khoản</i>			
- Khả năng thanh toán ngay			
- Khả năng thanh toán chung			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài.

b) Cơ cấu cổ đông: Nêu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu...vvv thành cổ phần.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch.

e) Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

- Những tiên bộ công ty đã đạt được.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản, nợ phải thu xấu, tài sản xấu ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỷ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần).

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V. Quản trị công ty (Tổ chức chào bán trái phiếu ra công chúng hoặc niêm yết trái phiếu không phải là công ty đại chúng không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập, thành viên không điều hành và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: (Liệt kê các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiêu ban).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành.

e) Hoạt động của các tiêu ban trong Hội đồng quản trị: (đánh giá hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiêu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công

ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên).

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định của pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

2. *Báo cáo tài chính được kiểm toán* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp).

**Xác nhận của đại diện theo pháp luật
của Công ty**

Phụ lục số III**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

(6 tháng/năm)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán

- Tên công ty đại chúng:

- Địa chỉ trụ sở chính: Điện thoại: Fax: Email:

- Vốn điều lệ:

- Mã chứng khoán (nếu có):

I. Hoạt động của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
	Ông/bà...				

2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc):

3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

II. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm):

Stt	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung

III. Thay đổi danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán (Báo cáo 6 tháng/năm):

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do

IV. Giao dịch của cổ đông nội bộ và người liên quan (Báo cáo 6 tháng/năm):

1. Danh sách cổ đông nội bộ và người có liên quan

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú

2. Giao dịch cổ phiếu:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

3. Các giao dịch khác: (các giao dịch của cổ đông nội bộ/cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty).

V. Các vấn đề cần lưu ý khác (Báo cáo 6 tháng/năm)

Chủ tịch HĐQT
(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số IV**BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..... ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán
 - Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đại chúng

1. Cá nhân/tổ chức đầu tư:

• Trường hợp là nhà đầu tư cá nhân:

- Họ và tên:

- Quốc tịch:

- Năm sinh:

- Số CMND/Hộ chiếu..... ngày cấp..... nơi cấp.....

- Nghề nghiệp:

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại: Fax:..... Email:.....

• Trường hợp là nhà đầu tư tổ chức:

- Tên tổ chức:

- Quốc tịch:

- Số GPĐKDN:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Người có liên quan (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ):

- Họ và tên cá nhân/tổ chức có liên quan:

- Số CMND/Hộ chiếu... ngày cấp...nơi cấp.../Số chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có):

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu:

4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3: Tại công ty chứng khoán:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán:
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
8. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ:
10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch:

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Phụ lục số V**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng... năm.....

BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng/Công ty quản lý quỹ đại chúng

1. Cá nhân/tổ chức đầu tư:

• Trường hợp là nhà đầu tư cá nhân:

- Họ và tên:

- Quốc tịch: - Năm sinh:

- Số CMND/Hộ chiếu..... ngày cấp..... nơi cấp.....

- Nghề nghiệp:

- Địa chỉ liên lạc:

- Điện thoại: Fax:..... Email:.....

• Trường hợp là nhà đầu tư tổ chức:

- Tên tổ chức:

- Quốc tịch:

- Số GPĐKDN:

- Ngành nghề kinh doanh chính:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

2. Người có liên quan (đang nắm giữ cùng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ):

- Họ và tên cá nhân/tổ chức có liên quan:

- Số CMND/Hộ chiếu... ngày cấp...nơi cấp.../Số chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Chức vụ hiện nay tại công ty đại chúng/công ty quản lý quỹ (nếu có):

- Mối quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư:

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu:

4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3: Tại công ty chứng khoán:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng (làm thay đổi tỷ lệ sở hữu):
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ:
9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
10. Lý do thay đổi sở hữu:
11. Ngày thay đổi sở hữu:
12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có):

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Phụ lục số VI**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng

1. Tên cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng:

- Số CMND/số hộ chiếu của người thực hiện chuyển nhượng (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có):

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán:

2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch:

3. Phương thức thực hiện giao dịch:

4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu của tổ chức/cá nhân thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

5. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch:

6. Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng (*):

- Số CMND/số hộ chiếu của người thực hiện chuyển nhượng (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có):

- Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có):

- Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán:
- Chức vụ của người có liên quan hiện nay tại công ty (nếu có):
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu người có liên quan đang nắm giữ:

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

8. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày.... đến ngày.....

(*): Trường hợp người được chuyển nhượng không phải là cổ đông sáng lập, người thực hiện giao dịch phải gửi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông chấp thuận cho việc chuyển nhượng trên.

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Phụ lục số VII**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Công ty đại chúng

1. Tên cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng:
 - Số CMND/số hộ chiếu của người thực hiện chuyển nhượng (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
 - Quốc tịch:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
 - Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có):
 - Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán:
2. Tên cổ phiếu/mã chứng khoán giao dịch:
3. Phương thức thực hiện giao dịch:
4. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu cổ đông sáng lập thực hiện chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
5. Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng (*):
 - Số CMND/số hộ chiếu của người thực hiện chuyển nhượng (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):
 - Quốc tịch:
 - Địa chỉ:
 - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:
 - Chức vụ hiện nay tại công ty (nếu có):
 - Quan hệ với người thực hiện chuyển nhượng (nếu có):
 - Tài khoản đăng ký lưu ký chứng khoán:
6. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:

7. Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch:
8. Số lượng cổ phiếu thực hiện giao dịch:
9. Số lượng cổ phiếu bên chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
10. Số lượng cổ phiếu bên nhận chuyển nhượng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
11. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....
12. Lý do không hoàn tất giao dịch:

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Phụ lục số VIII
THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG
NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN,
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng... năm.....

THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG
NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN,
NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán
 - Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

1. Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đầu tư đại chúng (nếu có):

2. Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đầu tư đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đầu tư đại chúng:

- Mối quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:

3. Mã chứng khoán giao dịch:
4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đăng ký mua/bán/cho/tặng:
7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
8. Mục đích thực hiện giao dịch:
9. Phương thức giao dịch:
10. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

Cá nhân/tổ chức báo cáo

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Phụ lục số IX**THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm.....

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

1. Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ: - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng (nếu có):

2. Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ: - Điện thoại liên hệ: Fax: Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng:

- Mọi quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:

3. Mã chứng khoán giao dịch:

4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện quyền mua:
6. Số lượng quyền mua hiện có sau khi chốt quyền:
7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua:
8. Số lượng quyền mua đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
9. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua tương ứng với số quyền mua sau khi mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng(*):
10. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua:
11. Phương thức giao dịch:
12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

(*) Là số cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến sẽ mua theo tỷ lệ thực hiện quyền, ví dụ: số quyền mua là 1000, tỷ lệ thực hiện là 5:1 thì số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến mua là 200):

Cá nhân/tổ chức báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Phụ lục số X
BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA
CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ
THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán
 - Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

1. Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng (nếu có):

2. Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng:

- Mọi quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:

3. Mã chứng khoán giao dịch:
4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
- 6 Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã giao dịch (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng):
8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch:
9. Phương thức giao dịch:
10. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, Cổ đông nội bộ/người được ủy quyền công bố thông tin/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân.)

Cá nhân/tổ chức báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)

Phụ lục số XI**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2012/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên cá nhân/tổ chức

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ, NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán
- Tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch/công ty quản lý quỹ

1. Tên cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch:

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng (nếu có):

2. Tên của nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin của tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng có liên quan (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan):

- Số CMND/số hộ chiếu (Số GPĐKDN - nếu là tổ chức):

- Quốc tịch:

- Địa chỉ:

- Điện thoại liên hệ:

Fax:

Email:

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức niêm yết/đăng ký giao dịch, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng:

- Mối quan hệ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nhân sự chủ chốt/người được ủy quyền công bố thông tin đang nắm giữ:

3. Mã chứng khoán giao dịch:
4. Số tài khoản giao dịch có cổ phiếu nêu tại mục 3:
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện quyền mua:
7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua:
8. Số lượng quyền mua đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
9. Số lượng quyền mua đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng:
10. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua:
11. Phương thức giao dịch:
12. Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày đến ngày.....

* (Trong trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký, Cổ đông nội bộ/người được ủy quyền công bố thông tin/người có liên quan phải giải trình nguyên nhân).

Cá nhân/tổ chức báo cáo
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)